

XEM VẬN MỆNH THEO BÁT TỰ - TỬ BÌNH

Thân chào Quý Anh Trần Thị Cẩm Tú, Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Trần Thị Cẩm Tú lá số Tử Trạ này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm, Quý Anh hãy kiểm tra lại thông tin cá nhân 1 lần nữa, để chắc không bị nhầm lẫn, vì nhầm lẫn thông tin thì kết quả sẽ sai.

Xin lưu ý về phần lời giải: trong một số ít đoạn bình giải chúng tôi lập chung cho cả nam và nữ, do đó nếu người xem là phái nữ mà có lời giải là 'lấy được vợ đẹp' thì phải hiểu ngược lại là 'chồng đẹp' và đối với người nam cũng vậy. Do đó Quý Anh đừng nghĩ là lời giải bị sai mà không an tâm.

THÔNG TIN CÁ NHÂN	
Họ Tên	Trần Thị Cẩm Tú
Ngày Sinh Dương	Chủ Nhật, Ngày 12 Tháng 8 Năm 1984
Ngày Sinh Âm	Ngày Mậu Dần, Tháng Nhâm Thân, Năm Giáp Tý (16/7/1984)
Tử Vi	Năm Giáp Tý, Tháng Nhâm Thân, Ngày Mậu Dần, Giờ Bính Thìn
Bát tự	Năm Giáp Tý, Tháng Nhâm Thân, Ngày Mậu Dần, Giờ Bính Thìn
Giờ Sinh	Thìn (7:00)
Giới Tính	Nam
Tuổi	Giáp Tý (41 tuổi)

Phái nam: Trần Thị Cẩm Tú Năm Giáp Tý, Tháng Nhâm Thân, Ngày Mậu Dần, Giờ Bính Thìn

Trụ Năm	Trụ Tháng	Trụ Ngày	Trụ Giờ
Sát	Tài	Nhật / Sát	Kiều
Giáp Tí	Nhâm Thân	Mậu Dần	Bính Thìn
Quý	Canh Nhâm Mậu	Giáp Bính Mậu	Mậu Quý Ất
Tài	Thực Tài Tí	Sát Kiêu Tí	Tí Tài Quan
Thai	Bệnh	Trường sinh	Quan đới
Thái-cực	Văn-xương	Phúc-tinh	Thiên đức
Tú QN	Dức QN	Dức QN	Nguyệt đức
-	Trạch-mã	Trạch-mã	Tú QN
-	Không-vong	Cô-thần	Hoa-cái
-	-	Âm dương-lệch	-
Đại vận	Đại vận	Đại vận	Đại vận
Tài	Sát	Quan	Kiều
Quý Dậu	Giáp Tuất	Ất Hợi	Bính Tí
Tân	Mậu Đinh Tân	Nhâm Giáp	Quý
Thương	Tí Ấn Thương	Tài Sát	Tài
Đại vận	Đại vận	Đại vận	Đại vận
Ấn	Tí	Kiếp	Thực
Đinh Sửu	Mậu Dần	Kỷ Mão	Canh Thìn
Kỷ Tân Quý	Giáp Bính Mậu	Ất	Mậu Quý Ất
Kiếp Thương Tài	Sát Kiêu Tí	Quan	Tí Tài Quan

Dụng thần: Bính, Giáp, Quý

Cung mệnh: cung ty

Vòng Trường Sinh:

Tí	Sửu	Dần	Mão	Thìn	Tỵ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Mộc dục	Quan đới	Lâm quan	Đế vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt	Thai	Dưỡng	Trường sinh

All rights reserved by www.XemTuong.net

Trụ năm bị năm Canh Ngọ thiên khắc địa xung.

Trụ tháng bị năm Mậu Dần thiên khắc địa xung.

Trụ ngày bị năm Giáp Thân thiên khắc địa xung.

Trụ giờ bị năm Nhâm Tuất thiên khắc địa xung.

Thai nguyên: Quý Hợi.

Thai tức: Quý Hợi.

1- Giáp Tí	2- Ất Sửu	3- Bính Dần	4- Đinh Mão	5- Mậu Thìn	6- Kỷ Tỵ
7- Canh Ngọ	8- Tân Mùi	9- Nhâm Thân	10- Quý Dậu	11- Giáp Tuất	12- Ất Hợi
13- Bính Tí	14- Đinh Sửu	15- Mậu Dần	16- Kỷ Mão	17- Canh Thìn	18- Tân Tỵ
19- Nhâm Ngọ	20- Quý Mùi	21- Giáp Thân	22- Ất Dậu	23- Bính Tuất	24- Đinh Hợi
25- Mậu Tí	26- Kỷ Sửu	27- Canh Dần	28- Tân Mão	29- Nhâm Thìn	30- Quý Tỵ
31- Giáp Ngọ	32- Ất Mùi	33- Bính Thân	34- Đinh Dậu	35- Mậu Tuất	36- Kỷ Hợi
37- Canh Tí	38- Tân Sửu	39- Nhâm Dần	40- Quý Mão	41- Giáp Thìn	42- Ất Tỵ
43- Bính Ngọ	44- Đinh Mùi	45- Mậu Thân	46- Kỷ Dậu	47- Canh Tuất	48- Tân Hợi
49- Nhâm Tí	50- Quý Sửu	51- Giáp Dần	52- Ất Mão	53- Bính Thìn	54- Đinh Tỵ
55- Mậu Ngọ	56- Kỷ Mùi	57- Canh Thân	58- Tân Dậu	59- Nhâm Tuất	60- Quý Hợi
61- Giáp Tí	62- Ất Sửu	63- Bính Dần	64- Đinh Mão	65- Mậu Thìn	66- Kỷ Tỵ
67- Canh Ngọ	68- Tân Mùi	69- Nhâm Thân	70- Quý Dậu	71- Giáp Tuất	72- Ất Hợi
73- Bính Tí	74- Đinh Sửu	75- Mậu Dần	76- Kỷ Mão	77- Canh Thìn	78- Tân Tỵ
79- Nhâm Ngọ	80- Quý Mùi	81- Giáp Thân	82- Ất Dậu	83- Bính Tuất	84- Đinh Hợi

Tháng chi được ngày can sinh (thực, thương): Ngày chủ hưu (hời suy).

Trụ năm có thiên quan (sát) là con thứ, trên có anh chị. Nếu là kỵ thần thì sinh ở gia đình nghèo khó.

Tháng thiên tài có giờ kiếp tài (kiếp) thì trước giàu sau nghèo. Trường hợp năm tháng can cùng thiên tài thì bỏ năm quyền hai nhà hoặc làm con nuôi. Trường hợp can chi đều thiên tài (tài) thì xa nhà thì làm ăn phát đạt.

Trụ ngày có Thiên quan (sát) thì bạn đời tính cứng rắn, thích bạo động, nếu không có thực thần chế thì vợ chồng bất hòa, lại gặp xung thì lắm tai nhiều bệnh. Nếu có thực thần chế hoặc hợp thành tượng khác thì có thể giải. Nếu 4 can đều có thiên quan (sát) mà không có chế phục thì nhiều tai họa.

Trụ giờ có thiên ấn (kiêu) thì con cái thông minh, đa tài đa nghệ nhưng cố chấp, cô độc. Nếu có ngày tọa dương nhãn thì vợ sinh đẻ khó, có sản ách. Thiên ấn (kiêu) là sao khắc con nên đối với con cái bất lợi.

Ngày chi xung tháng chi: Phạm cha, mẹ anh em.

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

Thiên đức quý nhân: Tinh nhân từ đôn hậu, một đời hưởng phúc ít gặp nguy hiểm, gặp hung hóa cát, hóa nguy hiểm thành đường đi tốt, chịu sự che chở của thần linh.

Nguyệt đức quý nhân nếu có cả Thiên đức quý nhân thành mệnh mang Thiên Nguyệt Đức quý nhân: gặp hung hóa cát không gặp hình xung khắc phá đã tốt lại thêm tốt.

Phúc tinh quý nhân: Phúc lộc song toàn, dễ được sự ủng hộ thành công.

Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128) "Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên ấn quý nhân. Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương tức thực thần kiến lộc. Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thể. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thi đoan trang, ham học ham hiểu biết, muốn vươn lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường. Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường đỗ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử."

Đức quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132): Có đức quý nhân là tháng đó đức sinh vượng. Đức quý nhân là thần giải hung âm dương; Người trong mệnh có đức quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại đức quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132): Có tú quý nhân là hòa hợp với tú khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung

phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tứ quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Trạch mã (trích sách Nhập Môn Dự Đoán theo tứ trụ của Trần Viên trang 230) "Trạch mã là hi, nhiều nhất là có tin mừng thăng quan tiến chức, ít nhất cũng là thu được lợi trong sự vận động. Mã là kỵ, nhiều nhất là bồn ba lao khổ, ít nhất là vất vả bận rộn. Mã gặp xung như tuần mã được thúc thêm; mã bị hợp+p hoặc bị hóa thì như mã bị trôi. Mã tinh là thực thương nếu gặp tài vận là hi, phát tài rất nhanh. Nhâm thân, quý Dậu là kiếm phong mã, trụ ngày người như thế là gặp mã tinh. Người xưa nói: "Đầu ngựa treo kiếm là uy trấn biên cương". Mã tinh ở trụ giờ thì thường được điều động đi xa, ra nước ngoài, v.v.. "

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá. a: Hoa cái với sao ấn cùng chi (ấn là hỷ dụng thần) thì tài hoa. b: Gặp không vong hoặc hình xung phá hoại: phá hoại danh lợi hoặc làm tăng ni, làm vợ lẽ hoặc bồn tẩu giang hồ. c: Hoa cái ở trụ ngày tạo vận mộ: khắc vợ, ở trụ giờ khắc con. d: Hoa cái gặp chính ấn ở vận vượng: quan tước cao, quyền vị lớn.

Cô thần (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 130) "Những người mà trong mệnh gặp quả tú là những người có nét mặt không tươi vui, hơi khắc khổ, không lợi cho người thân. Nếu mệnh người đó sinh vượng thì còn đỡ, tử tuyệt thì nặng hơn, nếu gặp cả trạch mã thì lang thang bốn phương. Nếu gặp tuần không, vong là tử bé đã không có nơi nương tựa. Gặp tang điều thì cha mẹ mất liền nhau, suốt đời hay gặp trùng tang hoặc tai họa chồng chất, anh em chia lìa, đơn hàn bất lợi. Gặp vận tốt thì việc hôn nhân muộn, gặp vận thấp kém thì lang thang đời chuyển mãi. Mệnh nam, sinh chỗ vợ tuyệt lại còn gặp cô thần, thì suốt đời khó kết hôn, nữ mệnh sinh chỗ chồng tuyệt còn gặp quả tú thì có lấy được chồng cũng khó mà bách niên giai lão. Nam gặp cô thần nhất định tha phương cầu thực, nữ gặp quả tú thường là mất chồng. Cô thần, quả tú người xưa bàn rất nhiều, chủ về nam nữ hôn nhân không thuận, mệnh khắc lục thân, tai vạ hình pháp, nhưng nếu trong tứ trụ phối hợp được tốt, còn có quý thần tương phù thì không đến nỗi nguy hại thậm chí "cô quả cả hai thần lại còn gặp qua , ấn, thì nhất định làm đầu đảng ở rừng sâu". Nhưng hôn nhân thường không thuận là điều chắc, hơn nữa lúc phạm vào ngày tháng sẽ khắc phụ mẫu.

Âm dương lệch (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 163): Nữ gặp phải là chị em dâu không toàn vẹn, hoặc bị nhà chồng từ chối. Nam gặp phải là bị nhà vợ từ chối, hoặc cãi cọ mâu thuẫn với nhà vợ. Gặp phải sát này, bất kể nam hay nữ, tháng, ngày, giờ có hai hay ba cái trùng nhau là rất nặng. Trụ ngày phạm phải là chủ về không được gia đình chồng (vợ) ủng hộ, dù có được nhờ thì vẫn là hư vô, thậm chí về sau còn oán lẫn nhau, không đi lại nữa. Âm dương lệch nhau thì rất xấu, là tiêu chí thông tin rõ nhất về hôn nhân không thuận, trong thực tế rất ứng nghiệm.

Phiên tài cách: Trích sách Tử Bình Nhập Môn của Lâm Thế Đức trang 46. Cách cục thành công của cách là: 1. Nhật nguyên cường, Tài tinh cũng cường lại gặp Quan tinh. 2. Nhật nguyên yếu, Tài tinh cường, có Ấn và Tỷ hộ Nhật nguyên. 3. Nhật nguyên cường, Tài tinh yếu, có Thương Thực sinh Tài. Trường hợp cách cục bị phá hoại khi gặp 1 trong những trường hợp sau: 1. Nhật nguyên cường, Tài tinh yếu, có nhiều Tỷ, Kiếp. 2. Gặp phải Hình, Xung, Hại. 3. Nhật nguyên yếu, Thất sát mạnh, tài cũng mạnh, sinh Sát tinh hại Nhật nguyên. Khi gặp những trường hợp sau thì thái quá (quá nhiều): 1. Tài tinh mạnh lại nhiều Nhật nguyên quá yếu. 2. Tài mạnh, Nhật nguyên yếu lại thêm nhiều Thực Thương. Khi gặp những trường hợp sau thì bất cập (thiếu thốn): 1. Nhật nguyên mạnh thêm nhiều Tỷ, Kiếp, Lộc, Nhận. 2. Tài tinh không gặp Thực, Thương lại có nhiều Tỷ, Kiếp. VẬN HẠN: 1. Nhật nguyên yếu, có nhiều Thực, Thương nên lấy Ấn làm Dụng thần. Hạn gặp phải Ấn, Tỷ, Kiếp là hạn tốt. Gặp phải Thực, Thương là hạn xấu. 2. Nhật nguyên yếu, Tài đắc thời nên mạnh quá phải lấy Tỷ, Kiếp làm Dụng thần. Gặp vận có Tỷ, Kiếp là hạn tốt. Gặp hạn có Thương, Thực, Tài là hạn xấu. 3. Nhật nguyên yếu có Quan, Sát nhiều nên lấy Ấn làm Dụng thần. Gặp vận có Ấn hay Tỷ là vận tốt. Gặp hạn có Tài, Quan, Thất sát là hạn xấu. 4. Nhật nguyên cường có Tỷ, Kiếp nhiều giúp thêm cho Nhật nguyên là thái quá nên lấy Thương, Thực hay Quan, Sát làm Dụng thần. Gặp phải hạn Thương, Thực, Quan, Sát là hạn tốt. Gặp Ấn hay Tỷ là hạn xấu. 5. Nhật nguyên mạnh có Ấn mạnh sinh Nhật nguyên thì phải lấy Tài làm Dụng thần. Hạn gặp Thực, Tài là hạn tốt. Gặp Ấn, Tỷ, Quan, Sát là hạn xấu.

Trụ năm hoặc trụ tháng có tài là tổ nghiệp hưng thịnh.

Trụ năm là thất sát, tỉ, kiếp, thương quan là cha ông nghèo.

Lệnh tháng gặp xung, chủ yếu là chi tháng và chi ngày xung nhau, vì cạnh nhau nên lực xung lớn. Xung tức là động. Cho nên lệnh tháng gặp xung thì anh em người một nơi, rất khó đoàn tụ một chỗ.

Nam có tứ trụ thuần dương thì mất vợ.

Thân hình Dàn gọi là tri thể chi hình gọi là hình vô ơn. Tứ trụ có loại hình này thì tính tình thô bạo, bạc nghĩa hoặc gặp người ám hại. Nếu ở Tử, Tuyệt càng nặng.

Thai chủ: Khắc hãm vợ, hay bị thay đổi công ăn việc làm, không quyết đoán, đần độn dễ bị mê hoặc. Trụ năm có Thai, già buồn phiền về thân tộc, họ hàng tranh chấp.

Bệnh chủ: Hư nhược, xa lánh họ hàng, lao khổ, tật bệnh. Trụ tháng có Bệnh, nửa đời người làm ăn thất bại, lo buồn bệnh tật.

Trường sinh chủ phúc thọ, bác ái, tăng tiến, hạnh phúc, trường cửu, thịnh vượng, phát đạt, được trọng vọng. Cột ngày có trường sinh, sớm hiển đạt, vợ có đức, vợ chồng viên mãn, được cha mẹ yêu quý, anh em thân mật, sống lâu, ăn ở được mọi người quý mến. Trụ ra nếu sinh vào các ngày Mậu dần và Đinh dậu, phúc phận kém, ít được hưởng các điều trên. Riêng nữ mệnh, cột ngày có trường sinh, không bị các chi khác xung hại phá, suốt đời hạnh phúc, con cái tốt, về già an lạc, nếu sinh ngày Bính dần hoặc Nhâm thân, sự tốt đẹp lại càng tăng.

Quan đới chủ có địa vị cao, phát triển, thành công, được tôn kính, có đức, hưởng thượng, thịnh vượng, từ bi, uy nghiêm, có danh vọng. Quan đới bị hình xung hoặc tứ trụ có Thương, Kiếp tài, Thực, Thiên ấn ở sát bên cột Quan đới, không có sao tốt giải cứu thì hay làm việc bất chính, thích đầu cơ tích trữ, khinh đời, kết cục phá gia bại sản, mang tiếng xấu cho cả gia đình. Trụ giờ có quan đới, con cái làm ăn

càng ngày càng phát đạt.

Trụ giờ có thiên ấn (kiêu) thì con cái tính dung dữ.

Trụ ngày có thất sát: lúc sinh vắng mặt cha.

Cha có thất sát là sinh con trai.

Thất sát hoặc kiêu thần đóng ở trụ ngày là vợ nhiều mà đê ít, khí huyết không điều hòa.

Trụ ngày gặp Kiêu và trong trụ có Thực khi đại vận gặp kiêu thần thì dễ bị bệnh đặc biệt khi ngày chi lại gặp kiêu nữa.

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Trần Thị Cẩm Tú thật nhiều sức khỏe và vạn sự như ý.

Trân Trọng.

XemTuong.net